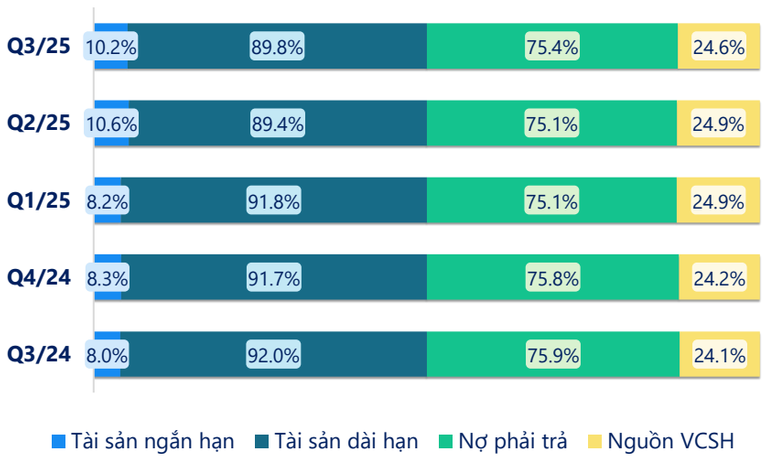
FireAnt

CTCP Đầu tư Cầu đường CII (HSX: LGC)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	62,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	62,886
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	42,256
SL cổ phiếu LH	192,854,765
KLGD BQ 20 phiên (CP)	225
% sở hữu nước ngoài	40.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12,015
P/E	24.0
EPS	2,601

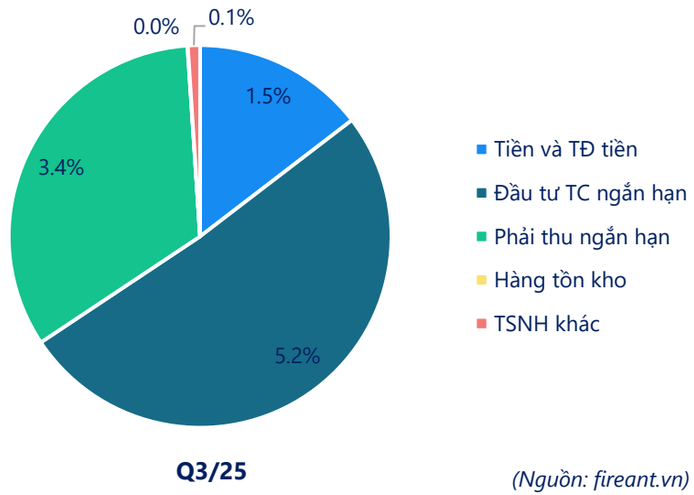
	YTD	1T	3T	6T
LGC	0.7%	14.8%	13.2%	-0.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



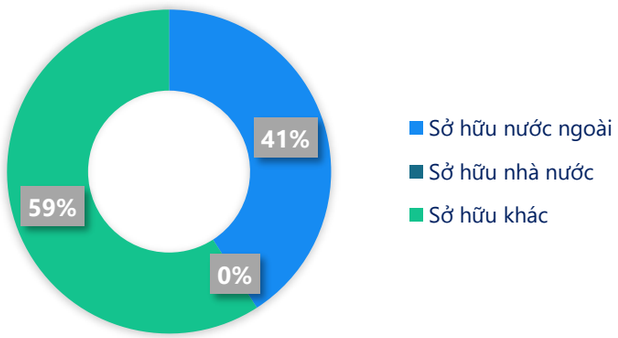
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



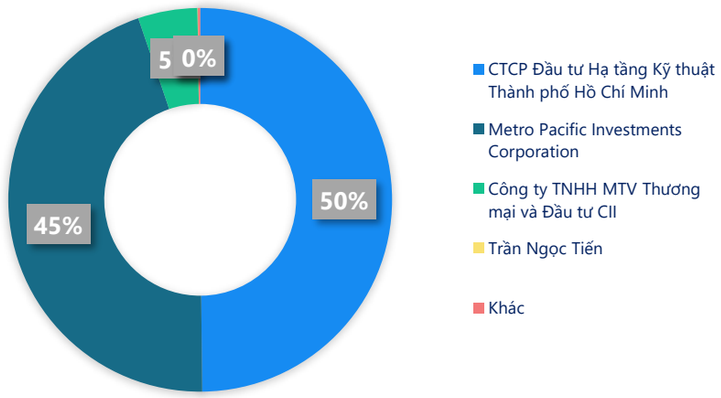
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



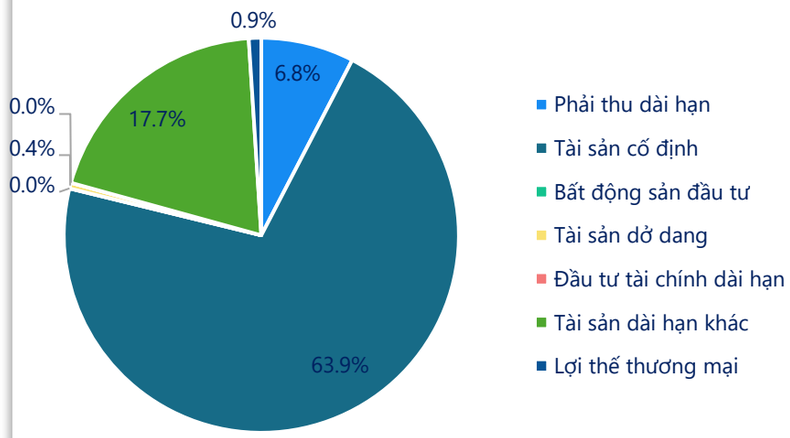
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

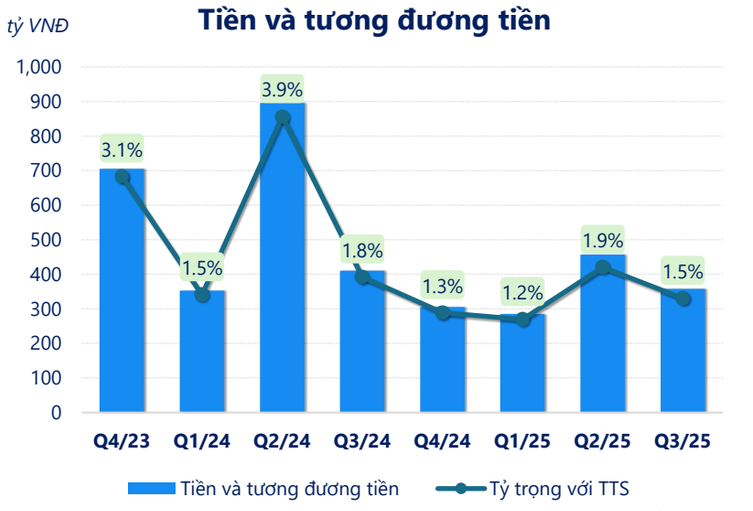


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

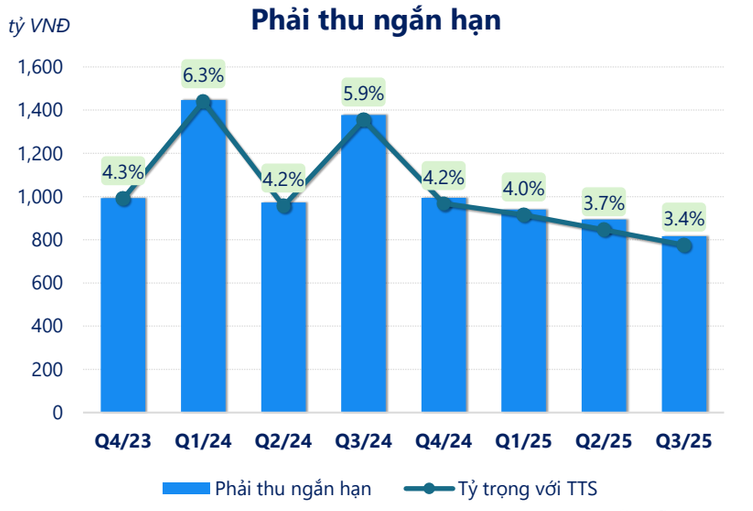
CTCP Đầu tư Cầu đường CII (HSX: LGC)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



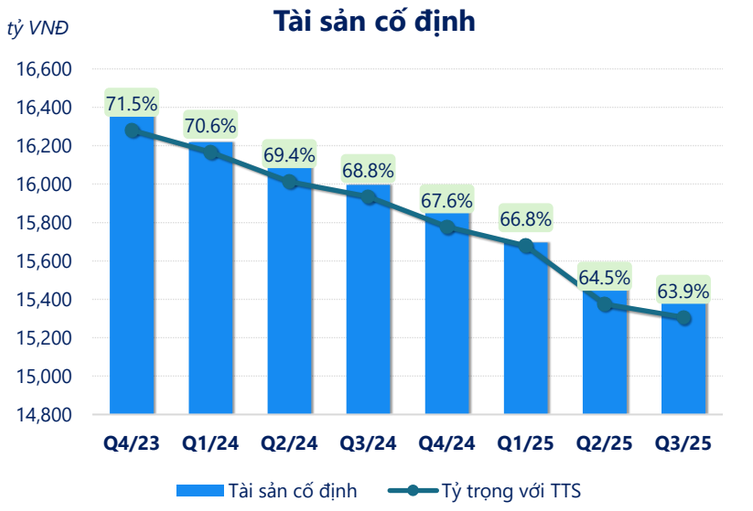
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



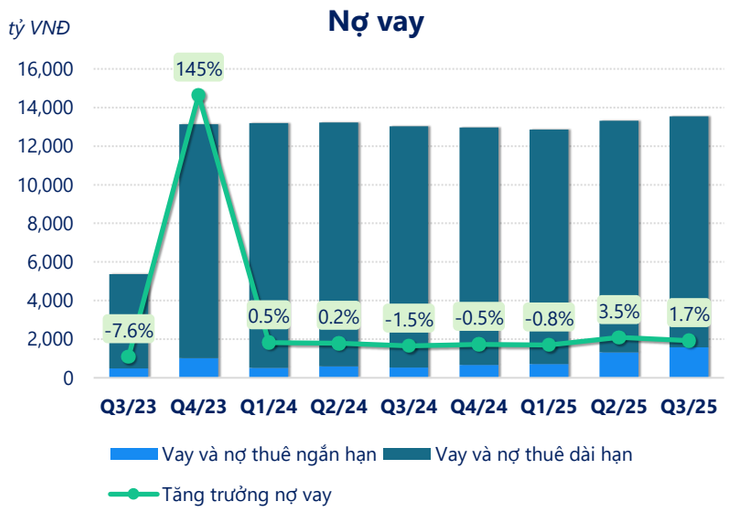
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



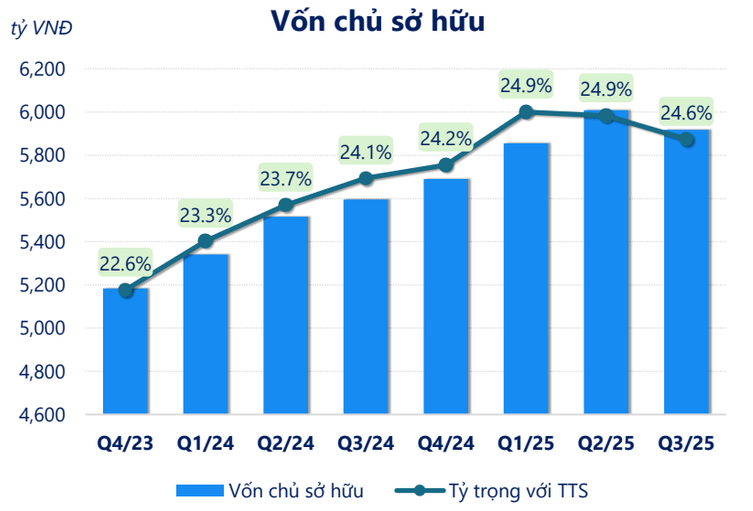
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

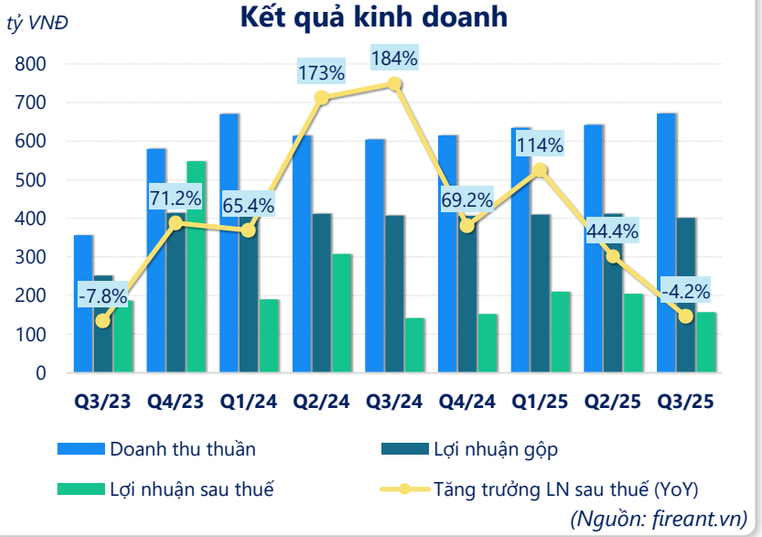


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

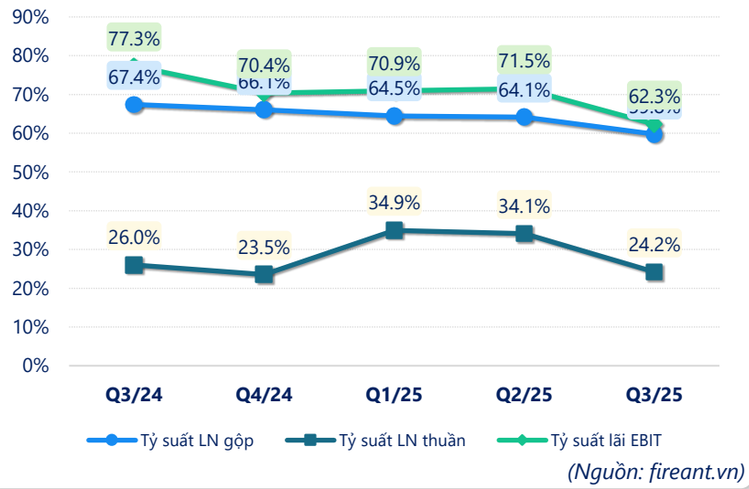
CTCP Đầu tư Cầu đường CII (HSX: LGC)

Kết quả kinh doanh



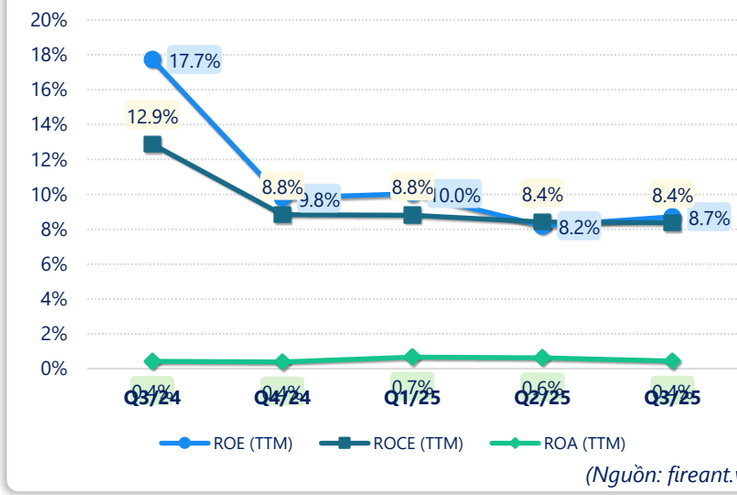
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



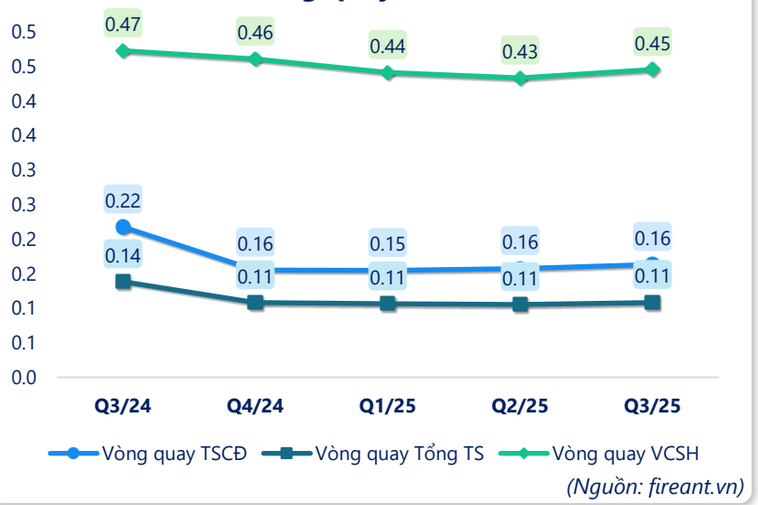
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



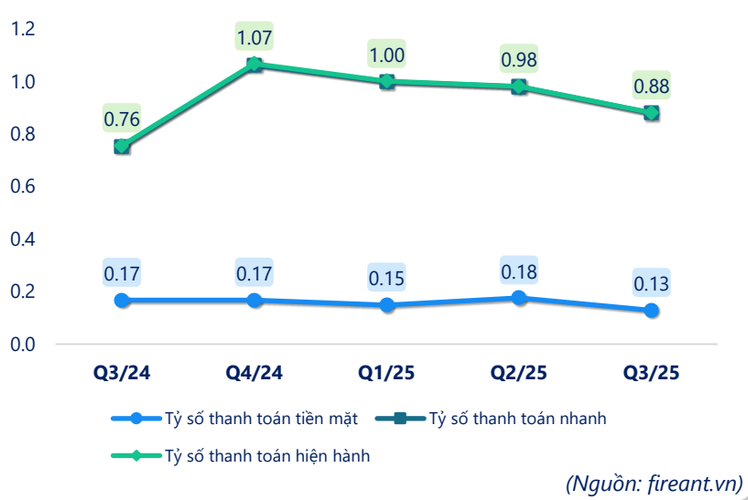
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



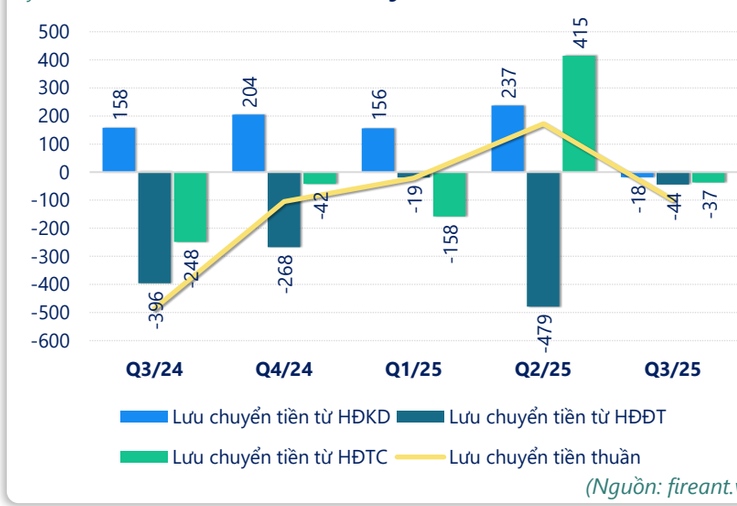
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Cầu đường CII (HSX: LGC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**24,073**	**23,464**	**2.6%**
Tài sản ngắn hạn	2,454	1,943	26.3%
Tiền và tương đương tiền	358	305	17.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,253	624	101%
Phải thu ngắn hạn	817	992	-17.7%
Hàng tồn kho	0.78	9.50	-91.7%
Tài sản ngắn hạn khác	25.2	11.2	125%
Tài sản dài hạn	**21,619**	**21,521**	**0.5%**
Phải thu dài hạn	1,647	1,470	12.0%
Tài sản cố định	15,392	15,864	-3.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	102	36.9	176%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4,258**	**3,904**	**9.1%**
Lợi thế thương mại	220	246	-10.3%
Nợ phải trả	18,155	17,779	2.1%
Nợ ngắn hạn	**2,790**	**1,762**	**58.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,579	601	163%
Phải trả người bán ngắn hạn	362	390	-7.0%
Nợ dài hạn	15,365	16,017	-4.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	11,958	12,367	-3.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,918**	**5,685**	**4.1%**
Vốn chủ sở hữu	**5,918**	**5,685**	**4.1%**
Vốn điều lệ	1,929	1,929	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	604	615	635	642	672
Giá vốn hàng bán	197	209	226	230	270
Lợi nhuận gộp	407	406	409	412	401
Doanh thu HĐTC	131	128	113	119	83.6
Chi phí TC	312	291	231	242	252
Chi phí lãi vay	310	288	229	240	249
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	29.9	32.8	30.4	31.2	33.3
Chi phí QLDN	38.7	65.4	38.8	38.2	37.6
LN thuần từ HĐKD	157	145	222	219	162
Lợi nhuận khác	-0.05	-0.07	-0.09	-0.15	6.82
LN trước thuế	157	145	222	219	169
Lợi nhuận sau thuế	141	152	210	205	157
LNST của CĐ cty mẹ	76.3	90.9	155	150	106

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	158	204	156	237	-17.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-396	-268	-18.9	-479	-44.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-248	-42.1	-158	415	-36.9
Tiền đầu kỳ	896	411	305	285	457
Lưu chuyển tiền thuần	**-485**	**-105**	**-20.9**	**172**	**-98.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	411	305	285	457	358

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic